

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1828/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 14 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Y tế tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Tiếp theo Kế hoạch số 3521/KH-UBND ngày 31/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Sở Y tế tỉnh Điện Biên tại Tờ trình số 2277/TTr-SYT ngày 10/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 12 thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Y tế tỉnh Điện Biên (có danh mục và nội dung cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Y tế;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT. ✓



Lê Thành Đô

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực Trang thiết bị y tế	
1	Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế	- Sở Y tế - Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên - Đơn vị sự nghiệp đảm bảo 1 phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
II	Lĩnh vực Y tế dự phòng	
1	Công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2	Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Y tế
3	Công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B, C trên địa bàn tỉnh.	UBND tỉnh; Sở Y tế
4	Áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà	- Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã. - Trạm Y tế xã, phường, thị trấn
5	Áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cơ sở, địa điểm khác (ngoại trừ tại nhà, tại cửa khẩu, cơ sở y tế)	Sở Y tế, Ban Chỉ đạo chống dịch tỉnh
6	Cấp và chi trả tiền bồi thường cho người được tiêm chủng khi sử dụng vắc xin trong chương trình tiêm chủng chống dịch	Sở Y tế; Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia.
7	Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh	UBND tỉnh; Sở Y tế

8	Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp huyện	UBND huyện; Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố
9	Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã	UBND xã; Trạm Y tế xã, phường, thị trấn
III	Lĩnh vực Dược	
1	Duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở cấp phát thuốc Methadone; - Cơ sở điều trị thuốc Methadone; - Khoa Dược-VTTYT, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; - Sở Y tế
2	Điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố; - Cơ sở cai nghiện ma túy; - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật - Sở Y tế

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Lĩnh vực Trang thiết bị y tế

1. Thủ tục: Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế

- Trình tự thực hiện:

Bước 1. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt định mức.

Bước 2. Sở Y tế phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế.

Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2019/TT-BYT, Sở Y tế có trách nhiệm phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng, trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng trang thiết bị chuyên dùng nộp trực tiếp tại Sở Y tế.

- Thành phần hồ sơ (Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2019/TT-BYT)

Hồ sơ đề nghị phê duyệt định mức:

1. Văn bản đề nghị phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp y tế theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT;

2. Danh mục trang thiết bị y tế chuyên dùng hiện có kèm theo số lượng cụ thể của từng chủng loại.

3. Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy hoạch phát triển của đơn vị (nếu có);

4. Bảng kê khai nhân lực và cơ sở vật chất của đơn vị. Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải đính kèm thêm văn bản phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở;

5. Bản thuyết minh về nhu cầu sử dụng của từng chủng loại trang thiết bị y tế bổ sung thêm trong 03 năm tiếp theo;

Các tài liệu quy định tại điểm 2, 4 và 5 Khoản này phải được Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 08/2019/TT-BYT

- Đối tượng thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Y tế.

- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BYT

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

- Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

- Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

- Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ
DỤNG TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHUYÊN DÙNG**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Số: /....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v đề nghị phê duyệt định
mức sử dụng máy móc, thiết bị
chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế.

Kính gửi:.....

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Căn cứ Thông tư số...../2019/TT-BYT ngày tháng năm 2019 của Bộ Y tế hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế.

.....đã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động và nhu cầu sử dụng để đề xuất định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng của đơn vị như sau:

**A. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị y tế chuyên dùng đề nghị
xem xét phê duyệt**

STT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	Trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù			
1				
2				
...				
B	Trang thiết bị y tế chuyên dùng khác			

B. Hồ sơ kèm theo báo cáo

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy hoạch phát triển của đơn vị (nếu có)
2. Bảng kê khai nhân lực và cơ sở vật chất của đơn vị.
3. Văn bản phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở (Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh).
4. Danh mục trang thiết bị y tế chuyên dùng hiện có kèm theo số lượng cụ thể của từng chủng loại.
5. Thuyết minh về nhu cầu sử dụng của từng chủng loại trang thiết bị y tế trong 03 năm tiếp theo.
6. Các tài liệu khác.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. Lĩnh vực Y tế dự phòng

1. Thủ tục: Công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện

- Trình tự thực hiện

Bước 1: Đề nghị kiểm tra công nhận :

Đơn vị chuyên môn được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) thuộc tỉnh đối chiếu với các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện, nếu thấy đã đạt thì đề nghị Sở Y tế xem xét, gửi văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 2: Thành lập Hội đồng kiểm tra

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra. Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện.

Thành phần hội đồng kiểm tra gồm 07 hoặc 09 thành viên:

- Chủ tịch hội đồng: Lãnh đạo Sở Y tế.
- Phó chủ tịch hội đồng: Lãnh đạo Đơn vị chuyên môn được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong của tỉnh.
- Ủy viên thư ký: Trưởng khoa Da liễu hoặc Trưởng phòng Chỉ đạo tuyến thuộc Đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm loại trừ bệnh phong của tỉnh.
- Ủy viên giám sát: Đại diện của Bệnh viện Da liễu Trung ương và đại diện của Bệnh viện Phong-Da liễu Trung ương Quỳnh Lập hoặc Bệnh viện Phong-Da liễu Trung ương Quy Hòa hoặc Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh.
- Ủy viên: Đại diện Phòng Nghiệp vụ Y - Dược; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Y tế và Đại diện Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra loại trừ bệnh phong chịu trách nhiệm điều hành hội đồng kiểm tra tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh .

Bước 3: Tiến hành kiểm tra. Thời gian kiểm tra tối đa 02 ngày.

Bước 4: Đánh giá kết quả và xếp loại.

Bước 5: Công nhận huyện đạt được 04 tiêu chí loại trừ bệnh phong.

Sau khi kiểm tra, Chủ tịch hội đồng có văn bản báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh, kèm theo Biên bản kiểm tra của hội đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ kết quả kiểm tra của Hội đồng, xem xét quyết định công nhận.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Đơn vị được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) của tỉnh.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế.

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Nội dung kiểm tra phải có các điều kiện theo quy định tại ý a, phần 3, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số: 17/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2013, cụ thể:

+ Có Ban Chỉ đạo loại trừ bệnh phong hoặc Ban chăm sóc sức khỏe ban đầu hoạt động thường xuyên.

+ Có chương trình hành động cụ thể hàng năm về công tác phòng, chống phong của các cấp xã, huyện.

+ Kiểm tra 04 tiêu chí loại trừ bệnh phong theo “Bảng điểm kiểm tra các tiêu chí công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện”.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Thông tư số 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chí và hướng dẫn kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh và huyện.

2. Thủ tục: Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh

- Trình tự thực hiện

Bước 1. Ngay sau khi nhận được thông tin người bệnh được chẩn đoán mắc bệnh truyền nhiễm, Sở Y tế căn cứ vào thời gian ủ bệnh của bệnh truyền nhiễm có trách nhiệm tổ chức điều tra xác minh dịch.

Bước 2. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xác định có dịch, Sở Y tế có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 3. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định việc công bố dịch nhóm B và nhóm C theo thẩm quyền.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

- **Thời hạn giải quyết:** 48 giờ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Y tế

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C:

- Một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) được coi là có dịch khi có số người mắc bệnh vượt quá số mắc trung bình của tháng cùng kỳ 03 năm gần nhất.

- Một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là huyện) được coi là có dịch khi có từ 2 xã có dịch trở lên.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.

- Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm;

- Quyết định số 26/2023/QĐ-TTg ngày 19/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Phụ lục quy định thời gian ủ bệnh trung bình và thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm làm căn cứ để công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg.

3. Thủ tục: Công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B, C trên địa bàn tỉnh

- Trình tự thực hiện

Bước 1: Sau khoảng thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016; Quyết định số 26/2023/QĐ-TTg ngày 19/10/2023 và đã thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định, Sở Y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định:

Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

- **Thời hạn giải quyết:** Không quy định

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Y tế

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B, C trên địa bàn tỉnh

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, việc công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm phải đáp ứng điều kiện: Không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới sau khoảng thời gian nhất định cho từng bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016; Quyết định số 26/2023/QĐ-TTg ngày 19/10/2023.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.
- Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm;
- Quyết định số 26/2023/QĐ-TTg ngày 19/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Phụ lục quy định thời gian ủ bệnh trung bình và thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm làm căn cứ để công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg.

4. Thủ tục: Áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà

- Trình tự thực hiện

Bước 1. Trong thời gian 03 giờ, kể từ khi phát hiện người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 101/2010/NĐ-CP ngày 30/09/2010 hướng dẫn Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp, cưỡng chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch. Trạm trưởng Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) lập danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà và báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã để xem xét, phê duyệt.

Bước 2. Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của Trạm trưởng Trạm Y tế xã, Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã phải quyết định việc phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế. Trường hợp từ chối phê duyệt phải nêu rõ lý do.

Bước 3. Trong thời gian 03 giờ, kể từ khi danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế được phê duyệt, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm:

+ Thông báo việc áp dụng biện pháp cách ly cho người bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế và thân nhân của họ, đồng thời thông báo cho Công an xã và tổ trưởng tổ dân phố, trưởng cụm dân cư, trưởng thôn, già làng, trưởng bản, trưởng làng, trưởng ấp, trưởng phum, trưởng sóc để phối hợp giám sát việc thực hiện biện pháp cách ly Y tế.

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp giám sát, theo dõi sức khỏe của người bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế.

+ Báo cáo và đề xuất với Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã về các biện pháp nhằm hạn chế đến mức tối đa nguy cơ lây nhiễm từ người bị cách ly Y tế ra cộng đồng. Trường hợp người đang bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã để xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Bước 4. Sau khi tiếp nhận đối tượng, người đứng đầu khoa, phòng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận đối tượng có trách nhiệm:

+ Tổ chức thực hiện việc cách ly và chăm sóc, điều trị cho người bệnh.

+ Thông báo với Trạm trưởng Trạm Y tế xã về tình trạng bệnh của người bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế.

Bước 5. Sau khi nhận được thông báo của người đứng đầu khoa, phòng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận đối tượng, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm:

+ Thông báo hủy bỏ việc áp dụng biện pháp cách ly Y tế trong trường hợp nhận được thông báo xác định người đó không mắc bệnh truyền nhiễm.

+ Lập danh sách những người tiếp xúc với người bị áp dụng biện pháp cách ly Y tế và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch trong trường hợp nhận được thông báo xác định người đó mắc bệnh truyền nhiễm.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp.
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà.
- **Thời hạn giải quyết:** 07 giờ (kể từ khi phát hiện người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010).
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trạm Y tế xã, phường, thị trấn
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính;** Danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly Y tế.
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;** Không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.
 - Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/09/2010 của Chính phủ hướng dẫn Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp, cưỡng chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch.

5. Thủ tục: Áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cơ sở, địa điểm khác (ngoại trừ tại nhà, tại cửa khẩu, cơ sở y tế)

- Trình tự thực hiện

Trường hợp 1: Số lượng người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam thuộc quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 101/2010/NĐ-CP ngày 30/09/2010 hướng dẫn Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp, cưỡng chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch. vượt quá khả năng tiếp nhận cách ly Y tế của cửa khẩu:

Bước 1: Trong thời gian 06 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới, người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu gửi văn bản về Sở Y tế nơi có cửa khẩu đề nghị hướng dẫn thực hiện việc cách ly Y tế.

Bước 2: Trong thời gian 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu, Sở Y tế tỉnh phải có hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện cách ly Y tế.

Trường hợp 2: Số lượng người mắc bệnh truyền nhiễm vượt quá khả năng tiếp nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại vùng có dịch.

Trong thời gian 06 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch tỉnh quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Phòng, chống bệnh

truyền nhiễm và việc huy động, trung dụng các nguồn lực cho hoạt động chống dịch theo quy định tại Điều 55 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định
- **Thời hạn giải quyết:** 18 giờ
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới; cơ quan phụ trách cửa khẩu
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Y tế, Ban Chỉ đạo chống dịch tỉnh
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm 2007.
 - Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ hướng dẫn Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp, cưỡng chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch.

6. Thủ tục: Cấp và chi trả tiền bồi thường cho người được tiêm chủng khi sử dụng vắc xin trong chương trình tiêm chủng chống dịch

- Trình tự thực hiện

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận của Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh (thời điểm tiếp nhận được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế ra quyết định giải quyết bồi thường đối với các trường hợp được Nhà nước bồi thường theo quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng. Quyết định giải quyết bồi thường phải được gửi cho người bị thiệt hại, người có lỗi hoặc cơ quan tổ chức có lỗi gây thiệt hại (nếu có). Quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày người bị thiệt hại nhận được quyết định, trừ trường hợp người bị thiệt hại không đồng ý và khởi kiện ra tòa án.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật, Sở Y tế phải có văn bản gửi Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường kèm theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật.

Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường, Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia phải cấp kinh phí cho Sở Y tế để chi trả cho người bị thiệt hại.

Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí do Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia cấp, Sở Y tế phải thực hiện việc chi trả bồi thường cho người bị thiệt hại. Việc chi trả phải thực hiện 01 lần bằng tiền mặt cho người bị thiệt hại hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người bị thiệt hại.

Trường hợp người bị thiệt hại có yêu cầu trả bằng chuyển khoản thì thực hiện theo yêu cầu và thông báo bằng văn bản cho người bị thiệt hại. Nếu chỉ trả bồi thường bằng tiền mặt thì phải thông báo trước ít nhất 02 ngày cho người bị thiệt hại, việc nhận tiền bồi thường được lập thành 02 bản, mỗi bên tham gia giao nhận giữ 01 bản.

- **Cách thức thực hiện:** Không quy định
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**
 - Kết luận của Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh.
 - Bộ hồ sơ xác định trường hợp được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP của Chính phủ.
- **Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh (Đơn vị thường trực là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh)
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Y tế; Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia.
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giải quyết bồi thường
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007.
 - Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng;
 - Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP.

7. Thủ tục: Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi có công bố dịch của cấp thẩm quyền, Giám đốc Sở Y tế tham mưu trình UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch.

Bước 2: Trên cơ sở tham mưu của Sở Y tế, UBND tỉnh quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch cấp tỉnh

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định
- **Thời hạn giải quyết:** 24 giờ
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Y tế
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND tỉnh
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch tỉnh

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Khi có công bố dịch của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;
 - Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thẩm quyền thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp.

8. Thủ tục: Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp huyện

- Trình tự thực hiện

Bước 1: Khi có công bố dịch của cấp thẩm quyền, Trưởng phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND cấp huyện thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch cấp huyện.

Bước 2: Trên cơ sở tham mưu của Phòng Y tế huyện, UBND cấp huyện thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch cấp huyện.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định
- **Thời hạn giải quyết:** 24 giờ
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND huyện
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch huyện
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi có công bố dịch của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;
 - Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thẩm quyền thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp.

9. Thủ tục Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi có công bố dịch của cấp thẩm quyền, Trạm trưởng Trạm Y tế xã, phường, thị trấn tham mưu UBND xã, phường, thị trấn thành lập BCĐ phòng chống dịch cấp xã, phường, thị trấn.

Bước 2. Trên cơ sở tham mưu của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn, UBND xã, phường, thị trấn thành lập BCĐ phòng chống dịch cấp xã, phường, thị trấn.

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp
- **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định
- **Thời hạn giải quyết:** 24 giờ
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trạm Y tế xã, phường, thị trấn
- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND xã
- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch xã
- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Khi có công bố dịch của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;
 - Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thẩm quyền thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp.

IV. Lĩnh vực Dược

1. Thủ tục: Duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế

- **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Trước ngày mùng 04-05 của các tháng 01, 4, 7 và tháng 10 hằng năm hoặc trong trường hợp đột xuất, cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone (sau đây gọi tắt là cơ sở điều trị Methadone) lập dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone bao gồm cả nhu cầu sử dụng thuốc của người bệnh tại các cơ sở cấp phát thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của cơ sở điều trị Methadone và gửi về Khoa Dược-VTYT, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Bước 2: Trước ngày mùng 09-10 của tháng lập dự trù, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh hoàn thành việc tổng hợp và gửi Sở Y tế bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc Methadone.

Nếu số lượng thuốc đề nghị mua vượt quá 150% so với số lượng sử dụng lần trước thì phải làm văn bản giải thích rõ lý do.

Bước 3: Trước ngày 14-15 của tháng lập dự trù, Sở Y tế phải hoàn thành duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone của các cơ sở điều trị Methadone đối với nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế. Duyệt dự trù được lập thành 03 bản và được gửi như sau: 01 bản gửi đơn vị phân phối, 01 bản gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và 01 bản lưu tại Sở Y tế.

Bước 4: Trả kết quả

- **Cách thức thực hiện:** Gửi qua đường bưu điện hoặc qua HSCV của Sở Y tế.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ bao gồm:**

1. Biểu mẫu Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc Methadone dành cho cơ sở điều trị thay thế (Mẫu số 11 của Thông tư 26/2023/TT-BYT).

2. Biểu mẫu Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc Methadone dành cho cơ sở cấp phát thuốc (Mẫu số 12 của Thông tư 26/2023/TT-BYT).

3. Biểu mẫu Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc Methadone dành cho Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Mẫu số 13 của Thông tư 26/2023/TT-BYT).

- **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ gốc.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản dự trữ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở cấp phát thuốc Methadone, Cơ sở điều trị thuốc Methadone, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Phê duyệt dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc Methadone của Sở Y tế.

- **Phí, Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 11 của Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023.

- Mẫu số 12 của Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023.

- Mẫu số 13 của Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023.

- **Yêu cầu, điều kiện TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

- Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh, thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt;.

- Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý thuốc Methadone.

2. Thủ tục: Điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.

- Trình tự thực hiện

Bước 1: Căn cứ vào tình hình thuốc Methadone thực tế tại Trung tâm, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố và Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên làm tờ trình về việc điều tiết thuốc Methadone gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật khi có nhu cầu điều tiết..

Bước 2: Căn cứ vào Tờ trình của Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố về việc xin điều tiết thuốc Methadone. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật làm tờ trình gửi Sở Y tế về việc xin điều tiết thuốc Methadone

Bước 3: Trong thời gian 10 làm việc, Sở Y tế xem xét, ra Văn bản điều phối thuốc Methadone.

Bước 4. Trả kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi qua đường bưu điện hoặc qua HSCV của Sở Y tế.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ bao gồm:** Báo cáo và Tờ trình đơn vị

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ gốc.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản dự trù hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ sở cai nghiện ma túy;

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

- **Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

- **Kết quả thực hiện TTHC:** Phê duyệt Văn bản điều phối thuốc Methadone.

- **Phí, Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

- **Yêu cầu, điều kiện TTHC:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:** Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn quản lý thuốc Methadone.

Mẫu số 11.

Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone

CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ THAY
THỂCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcBÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRỮ NHU CẦU SỬ
DỤNG THUỐC METHADONE

(từ ngày ... tháng đến ngày tháng))

Tên cơ sở	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng hao hụt	Số lượng dư thừa	Tồn kho cuối kỳ	Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị	Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới	Số lượng dự trữ cho kỳ tới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
.....												

Nơi nhận:

-

-

Người lập báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 12.

**Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone
dành cho cơ sở cấp phát thuốc**

CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ THAY THỂ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CƠ SỞ CẤP PHÁT THUỐC

.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRÙ NHU CẦU SỬ
DỤNG THUỐC METHADONE**

(Từ ngày ... tháng đến ngày tháng năm)

Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ báo cáo trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng hao hụt	Số lượng dư thừa	Tồn kho cuối kỳ	Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị	Tổng số người bệnh dự kiến trong kỳ tới	Số lượng dự trữ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....											

Nơi nhận:

-

....., ngày tháng năm 20.....

Người lập báo cáo

(ký và ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo Cơ sở cấp phát thuốc

(ký và ghi rõ họ tên)

DUYỆT DỰ TRÙ CỦA CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ THAY THỂ

Số lượng duyệt:.....

....., ngày ... tháng năm 20.....

Lãnh đạo Cơ sở điều trị thay thế

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 13.**Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone****TÊN ĐƠN VỊ¹**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRÙ NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC METHADONE***(từ ngày ... tháng đến ngày tháng)*

Tên đơn vị	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng hao hụt	Số lượng dư thừa	Tồn kho cuối kỳ	Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị	Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới	Số lượng dự trữ cho kỳ tới	Số lượng duyệt dự trữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
.....													
Tổng số													

Nơi nhận:

-
-

Người lập báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo Cơ quan đầu
môi về HIV/AIDS tuyến
tỉnh**
*(ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)*

Lãnh đạo Sở Y tế
*(ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)*

^[1] Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh